

Mục Lục Môn Triết 1: Biên Soạn : Hoàng Lộc K64-CH1

(tài liệu để học ai làm thành phao mình không chịu trách nhiệm)

Phần 6 Điểm:

Câu 1: Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Gì ? Trình Bày Nội Dung Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ? (trang 4-5)

+Câu 2: Tại Sao Nói Triết Học Mác Ra Đòi Là Một Tất Yếu Lịch Sử?
(trang 6-7)

Câu 3: Phân Tích Định Nghĩa Vật Chất Của Lenin? Rút Ra Ý Nghĩa Khoa Học Của Định Nghĩa? (trang 8-9)

Câu 4: Phân Tích Nguồn Gốc , Bản Chất Ý Thức Theo Quan Điểm Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng? (trang 10-11)

Câu 5: Phân Tích Cơ Sở Lý Luận Của Nguyên Tắc Toàn Diện Và Nguyên Tắc Lịch Sử Cụ Thể? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Quan Điểm Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ? (trang 12-13)

Câu 6: Phân Tích Cơ Sở Lý Luận Của Nguyên Tắc Phát Triển? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Nguyên Tắc Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ? (trang 14-15)

Câu 7: Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương Pháp Luận Của Cặp Phạm Trù Cái Chung Và Cái Riêng? Nêu 1 Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn? (trang 16-17)

Câu 8: Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương Pháp Luận Của Cặp Phạm Trù Nguyên Nhân Và Kết Quả? Nêu 1 Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn? (trang 18-19)

Câu 9: Phân Tích Nội Dung Quy Luật Từ Những Sự Thay Đổi Về Lượng Dẫn Đến Sự Thay Đổi Về Chất Và Ngược Lại? Ý Nghĩa Phương Pháp Luận Của Quy Luật? (trang 20-21)

Câu 10: Thực Tiễn Là Gì? Phân Tích Vai Trò Của Thực Tiễn Đối Với Quá Trình Nhận Thức? (trang 22-23)

Câu 11: Lenin Viết :’’Từ Trực Quan Sinh Động Đến Tư Duy Trừu Tượng Và Từ Tư Duy Trừu Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là Con Đường Biện Chứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức Thực Tại Khách Quan’’.Anh Chị Hãy Phân Tích Luận Điểm Trên Và Rút Ra Ý Nghĩa Của Nó? (trang 24-25)

Câu 12: Phân Tích Nội Dung Quy Luật Về Sự Phù Hợp Của Quan Hệ Sản Xuất Với Trình Độ Phát Triển Của Lực Lượng Sản Xuất? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Quy Luật Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ? (trang 26-27-28)

Câu 13: Phân Tích Độc Lập Tương Đối Của Ý Thức Xã Hội So Với Tồn Tại Xã Hội? Cho Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn? (trang 29-30-31)

Câu 14: Phân Tích Vai Trò Của Quần Chúng Nhân Trong Sự Phát Triển Lịch Sử Và Rút Ra Ý Nghĩa Của Nó? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Bài Học ‘’Lấy Dân Làm Gốc’’Như Thế Nào Tròn Thời Kỳ Đổi Mới? (trang 32-33)

Phần 4 Điểm:

Câu 1: Tại Sao Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Là Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ? (trang 34)

Câu 2: Phân Tích Sự Đối Lập Giữa Phương Pháp Biện Chứng Và Phương Pháp Siêu Hình Và Đánh Giá ,Giá Trị Của Hai Phương Pháp Đó. (trang 35)

Câu 3: Có Thể Đồng Nhất Quan Hệ Nhân Quả Với Quan Hệ Hàm Số Được Không? Tại Sao? (trang 36)

Câu 4: Theo Triết Học Mac-Lenin Vận Động Và Đứng Im Có Đối Lập Tuyệt Đối Không? Tại Sao? (trang 37)

Câu 5: Tại Sao Nói Sản Xuất Vật Chất Là Cơ Sở Của Sự Tồn Tại Và Phát Triển Của Xã Hội? (trang 38-39)

Câu 6: Trong Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất , Yếu Tố Nào Giữ Vai Trò Quyết Định Nhất? Tại Sao? (trang 40)

Câu 7: Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất, Yếu Tố Nào Đồng Nhất , Cách Mạng Nhất? (trang 41)

Câu 8: Sao Ngày Nay , Khoa Học Là Yếu Tố Trực Tiếp Của Xã Hội ? Ví Dụ ? (trang 42)

Câu 9: Tại Sao Ý Thức Của Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn So Với Tồn Tại Của Xã Hội? Ví Dụ? (trang 43)

Triết 1: Phần 6 Điểm 14 câu hỏi

Câu 1(6 điểm): Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Gì ? Trình Bày Nội Dung Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

*Khái niệm: Vấn đề cơ bản của triết học

-Theo Ăng ghe , vấn đề cơ bản của triết học ,đặc biệt là triết học hiện đại ,là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay còn được biết tới là mối quan hệ giữa ý thức và vật chất).

-Nội dung vấn đề cơ bản của triết học: vấn đề cơ bản của triết học gồm 2 mặt:

+Mặt thứ nhất trả lời cho câu hỏi “vật chất và ý thức ,cái nào có trước, cái nào có sau,cái nào quyết định cái nào?”.Để trả lời cho câu hỏi này có 3 cách .Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất là cái có trước và quyết định ý thức. Ngược lại,chủ nghĩa duy tâm lại cho rằng, ý thức có trước, ý thức quyết định vật chất. Các nhà triết học theo trường phái nhị nguyên lại cho rằng vật chất và ý thức là 2 tồn tại độc lập , không nằm trong mối quan hệ quyết định lẫn nhau.

+Mặt thứ hai trả lời cho câu hỏi “con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không ?” .Câu hỏi này có 2 cách trả lời .Các nhà triết học cho rằng khả tri cho rằng con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới, trong khi các nhà triết học bất khả tri lại cho rằng con người không có khả năng nhận thức được thế giới, hoặc chỉ có thể nhận biết được hiện tượng bên ngoài mà không thể nắm được bản chất bên trong.

*Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay giữa ý thức và vật chất) và vấn đề cơ bản của triết học: Trong thế giới có vô vàn sự vật hiện tượng khác nhau nhưng tựu chung lại chỉ có 2 hiện tượng chính đó là hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ bao trùm lên toàn bộ thế giới. Vì vậy, giải quyết mối quan hệ này là cơ sở nền tảng để giải quyết những vấn đề của triết học. Hơn nữa, giải quyết mối quan hệ này cũng là cơ sở phân định lập trường tư tưởng, thế giới quan của các nhà triết học cũng như các học thuyết của họ. Tất cả các nhà triết học đều trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết mối quan hệ này.

Câu 2 (6 điểm): Tại Sao Nói Triết Học Mác Ra Đời Là Một Tất Yếu Lịch Sử?

*Nói sự ra đời của triết học mác là 1 tất yếu lịch sử, bởi xét tới điều kiện kinh tế-xã hội, thực tiễn lý luận và các tiền đề khoa học tự nhiên của chủ nghĩa mác.

* Điều kiện kinh tế - xã hội : chủ nghĩa mác ra đời vào những năm 40 của thế kỉ 19, đây là thời kì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở các nước tây âu phát triển dẫn tới mâu thuẫn sâu sắc giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội và hàng loạt cuộc đấu tranh nổ ra ở châu âu. Đó là bằng chứng lịch sử thể hiện giai cấp vô sản đã trở thành lực lượng tiên phong trong đấu tranh cho nền dân chủ, công bằng xã hội. Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản đã đặt ra yêu cầu khách quan là nó phải được soi sáng bằng lý luận khoa học. Chủ nghĩa mác ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu khách quan đó.

*Thực tiễn lý luận: để xây dựng nên chủ nghĩa mác nói chung và triết học mác nói riêng, chủ nghĩa mác sử dụng hệ thống thực tiễn lý luận mà tiền đề là:

-Triết học cổ điển đức: (georg wiheim friedrich hegel và ludwig andreas feuerbach) mác thừa kế phép biện chứng của hegel trên cơ sở lọc bỏ các yếu tố duy tâm thần bí để xây dựng phép biện chứng duy vật, đồng thời thừa kế các quan điểm duy vật tiến bộ của feuerbach.

-Kinh tế-chính trị cổ điển anh (adam smith và David ricardo). Mác thừa kế các quan điểm kinh tế tiến bộ, đặc biệt là học thuyết về giá trị của adam smith và David ricardo để làm cơ sở xây dựng các quan điểm duy vật về lịch sử , xã hội.

-Chủ nghĩa xã hội không tưởng pháp: bác thừa kế các tư tưởng tiến bộ về xã hội của saint sirnon và charles fourier để biến chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học

*Tiền đề khoa học tự nhiên: Đây là tiền đề để xây dựng và củng cố hệ thống tư tưởng duy vật: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng ,học thuyết tế bào và học thuyết tiến hóa.

Câu 3(6 điểm): Phân Tích Định Nghĩa Vật Chất Của Lenin? Rút Ra Ý Nghĩa Khoa Học Của Định Nghĩa?

*Các quan điểm trước mác về vật chất

-Thời cổ đại: đây là thời khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhận thức con người còn hạn chế, cho nên các nhà triết học nhận thức về thế giới 1 cách trực quan cảm tính. Họ đồng nhất vật chất với nước, lửa, không khí, “nguyên tử”.

-Vào thế kỉ 17,18: Đây là thời kì cơ học cổ điển của newton thịnh hành và phát triển, các nhà triết học đề cao vai trò của khối lượng, nên họ đồng nhất vật chất với khối lượng.

*Định nghĩa vật chất của lenin:

-Vật chất là 1 phạm trù triết học để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác.

*Định nghĩa vật chất của lenin bao gồm những nội dung cơ bản sau:

+Vật chất là 1 phạm trù triết học: là vật chất được nhận thức dưới góc độ triết học chứ không phải các nhà khoa học cụ thể. Hơn nữa, đây là nhận thức dưới hình thức phạm trù, nghĩa là chỉ ra cái đặc trưng, những thuộc tính căn bản phổ biến của vật chất.

+Vật chất chỉ thực tại khách quan: là tất cả những gì tồn tại bên ngoài độc lập ý thức con người, dù con người nhận thức được hoặc chưa nhận thức được.

+Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi gián tiếp hay trực tiếp tác động lên giác quan của con người, ý thức của con người là sự phản ánh đối với vật chất, còn vật chất là cái được ý thức phản ánh.

*Ý nghĩa của định nghĩa:

+Giải quyết triệt để 2 mặt trong vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật biện chứng.

+Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật siêu hình.

+Cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì thuộc về vật chất và những gì không là vật chất, tạo lập cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử, khắc phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về xã hội.

Câu 4(6 điểm): Phân Tích Nguồn Gốc , Bản Chất Ý Thức Theo Quan Điểm Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng?

*Nguồn gốc của tự nhiên:

-Bộ não người và ý thức: ý thức là thuộc tính của 1 dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người, là chức năng của bộ óc, là kết quả hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc.

-Phản ánh: là thuộc tính chung với mọi dạng vật chất phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của dạng vật chất này lên dạng vật chất khác , có 3 hình thức phản ánh:

+Phản ánh lý hóa là đặc trưng cho các dạng vật chất vô sinh.

+Phản ánh sinh vật đặc trưng cho các dạng vật chất hữu sinh, được thể hiện thông qua 3 trình độ cơ bản: tính kích thích, tính cảm ứng và tính tâm lý.

+Phản ánh ý thức: hình thức đặc trưng riêng chỉ có ở con người, ý thức là 1 sự phản ánh của 1 dạng vật chất có tổ chức cao vào trong bộ não con người. Ý thức phản ánh thế giới vật chất vào bộ não người 1 cách năng động, sáng tạo.

-Do đó, bộ não người, cùng với thế giới bên ngoài tác động vào bộ não người, đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

*Nguồn gốc xã hội: thông qua các quá trình lao động, sản xuất, bộ não con người dần hoàn thiện, khả năng phản ánh ngày càng phát triển, đồng thời thông qua các quá trình lao động, ngôn ngữ được hình thành.

*Ngôn ngữ là phương thức để truyền tải thông tin, lưu giữ thông tin. Đặc biệt, ngôn ngữ có khả năng khái quát hóa các tri thức của con người. Nếu không có ngôn ngữ thì không có ý thức.

→ Do đó, nguồn gốc trực tiếp quyết định sự hình thành của ý thức là quá trình lao động, sản xuất và hoạt động thực tiễn của con người. Đó chính là nguồn gốc xã hội của ý thức.

*Bản chất của ý thức: ý thức là phản ánh có tính chất năng động, sáng tạo của bộ óc con người về thế giới khách quan, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

-Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh ý thức: thể hiện ở khả năng hoạt động tâm sinh lý của con người trong việc người tiếp nhận, chọn lọc, xử lý, lưu giữ thông tin. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới, tưởng tượng ra cái không có thực trong thực tế, tiên đoán và dự báo tương lai...

*Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan: ý thức là hình ảnh về thế giới khách quan quyết định cả về hình thức và nội dung, song nó không còn y nguyên như thế giới khách quan. Theo mác, ý thức chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong bộ não người và được bộ não cải biến đi ở trong đó.

*Ý thức là 1 hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội: sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên, xã hội. Với tính năng động, ý thức sáng tạo lại thực hiện theo nhu cầu của thực tiễn.

Câu 5(6 điểm): Phân Tích Cơ Sở Lý Luận Của Nguyên Tắc Toàn Diện Và Nguyên Tắc Lịch Sử Cụ Thể? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Quan Điểm Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ?

*Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể chính là nguyên lý và mối liên hệ phổ biến.

*Mối liên hệ dùng để chỉ sự quyết định sự tác động , chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sinh vật, hiện tượng trong thế giới.

*Mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ của các sự vật hiện tượng của thế giới , đồng thời cũng dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở với mọi sinh vật hiện tượng của thế giới. Đó là các mối liên hệ giữa các mặt đối lập, chất và lượng, khẳng định và phủ định,...

*Tích chất của các mối liên hệ:

-Tính khách quan : với mọi mối liên hệ của các sự vật , hiện tượng là khách quan , là cái vốn có của sự vật hiện tượng, con người chỉ nhận thức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình.

-Tính phổ biến: mối liên hệ mang tính phổ biến thể hiện:

1,Bất cứ sự vật nào cũng liên hệ với sự vật hiện tượng khác

2,Bất cứ sự vật hiện tượng nào cũng bao gồm những yếu tố cấu thành những mối liên hệ bên trong của nó.

-Tính đa dạng, phong phú: sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có mối liên hệ khác nhau, giữa vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó. Mặt khác, cùng là 1 mối liên hệ nhất định, ở những gia đình khác nhau thì cũng có những tính chất vai trò khác nhau.

*Ý nghĩa phương pháp luận: Từ nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến rút ra được quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể :

-Quan điểm toàn diện đòi hỏi trong nhận thức và xử lý các tình huống thực tiễn, cần xem xét sự vật hiện tượng trong mối quan hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật.

-Quan điểm lịch sử cụ thể yêu cầu trong việc nhận thức và xử lý các tình huống trong hoạt động thực tiễn cần phải xem xét đến những tính chất đặc thù của đối tượng nhận thức và tình huống giải quyết khác nhau trong thực tiễn. Phải xác định rõ vị trí, vai trò khác nhau của mỗi mối liên hệ cụ thể trong những tình huống cụ thể để từ đó có được những giải pháp đúng đắn và có hiệu quả trong công việc xử lý các vấn đề thực tiễn, đồng thời khắc phục quan điểm phiến diện, siêu hình triết trung, nguy biện.

Câu 6(6 điểm): Phân Tích Cơ Sở Lí Luận Của Nguyên Tắc Phát Triển?
Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Nguyên Tắc Này Như Thế Nào
Trong Thời Kỳ Đổi Mới ?

*Cơ sở lý luận của quan điểm phát triển chính là nguyên lý về sự phát triển.

*Theo quan điểm duy vật biện chứng, khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

*Tính chất cơ bản của sự phát triển:

-Tính khách quan: biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Đó là quá trình bất nguồn từ bản thân hiện tượng là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật hiện tượng đó.

-Tính phổ biến: thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra ở với mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội, tư duy, trong đó tất cả với mọi sự vật hiện tượng trong với mọi quá trình, với mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó.

-Tính đa dạng, phong phú: mỗi sự vật hiện tượng có quá trình phát triển khác nhau tồn tại ở không gian thời gian khác nhau, sự vật phát triển sẽ khác nhau.

-Tính thừa kế: với mọi sự phát triển đều phải dựa trên cơ sở nền tảng của các quá trình phát triển trước đó.

*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Quan điểm phát triển đòi hỏi phải khắc phục tư tưởng phải khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến, đối lập với phát triển.

-Quan điểm phát triển đòi hỏi nhận thức và giải quyết bất cứ vấn đề gì trong thực tiễn, 1 mặt cần phải đặt sự vật, hiện tượng theo khuynh

hướng đi lên của nó, mặt khác con đường của sự phát triển là quá trình biện chứng, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề của thực tế.

*Trong thời kì đổi mới, đảng cộng sản việt nam đã vận dụng quan điểm này như sau: chủ trương của đảng khuyến khích phát triển tất cả các thành phần kinh tế để phát triển đất nước, khuyến khích phát triển tất cả các vùng miền trên cơ sở vùng miền đó.

Câu 7(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương Pháp Luận Của Cặp Phạm Trù Cái Chung Và Cái Riêng? Nêu 1 Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn?

*Các Khái Niệm:

-Cái riêng: là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ 1 sự vật, hiện tượng hay 1 quá trình riêng lẻ nhất định.

-Cái chung: là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính chung không những có ở 1 kết cấu vật chất nhất định mà còn được lặp lại trong nhiều sự vật hiện tượng riêng lẻ khác.

-Cái đơn nhất: là 1 phạm trù dùng để chỉ những nét những mặt, nhưng thuộc tính, chỉ tồn tại ở 1 sự vật hiện tượng nào đó mà không lặp lại ở các sự vật hiện tượng khác.

*Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng và cái chung: chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng tất cả cái riêng, cái chung, cái đơn nhất đều tồn tại khách quan và có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Mối quan hệ đó được thể hiện qua những đặc điểm sau:

1, Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình, không có cái chung thuần túy tồn tại bên ngoài cái riêng.

2, Cái riêng chỉ tồn tại quan hệ với cái chung, không có cái riêng nào tồn tại độc lập, tách rời tuyệt đối cái chung.

3, Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, vì ngoài những điểm chung, cái riêng còn có cái đơn.

4, Cái chung sâu sắc hơn cái riêng, vì cái chung phản ánh thuộc tính, những mối liên hệ ổn định, tất nhiên lặp lại ở nhiều cái riêng cùng loại.

Do vậy, cái chung là cái gắn liền với bản chất quyết định phương hướng tồn tại và phát triển cái riêng.

5, Cái đơn và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật:

+Sự chuyển hóa từ cái đơn thành cái chung là biểu hiện quá trình cái mới ra đời thay thế cái cũ.

+Sự chuyển hóa từ cái chung thành cái đơn là biểu hiện của quá trình cái cũ, cái lỗi thời bị phủ định.

Câu 8(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Và Ý Nghĩa Phương Pháp Luận Của Cặp Phạm Trù Nguyên Nhân Và Kết Quả? Nêu 1 Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn?

*Khái niệm:

-Nguyên nhân: phạm trù chỉ là sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra 1 biến đổi nhất định nào đó.

-Kết quả: là những biến đổi do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.

*Phân biệt nguyên nhân với nguyên cớ, điều kiện, kết quả với hậu quả:

-Nguyên cớ: là những sự vật hiện tượng xuất hiện đồng thời với nguyên nhân nhưng nó chỉ là quan hệ bên ngoài, ngẫu nhiên chứ không sinh ra kết quả.

-Điều kiện: là những sự vật gắn liền với nguyên nhân, tác động vào nguyên nhân, làm cho nguyên nhân phát huy tác dụng. Điều kiện không trực tiếp sinh ra kết quả.

-Cả kết quả và hậu quả là do nguyên nhân sinh ra nhưng những gì có lợi cho con người gọi là kết quả, những gì có hại cho con người gọi là hậu quả.

*Tính chất của mối quan hệ nhân quả:

-Tính khách quan: mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không tồn tại ý thức con người.

-Tính phổ biến: với mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều có nguyên nhân nhất định gây ra, dù nguyên nhân đó đã được nhận thức hay chưa.

-Tính tất yếu: với 1 nguyên nhân nhất định, trong những điều kiện nhất định sẽ gây ra kết quả tương ứng với nó.

*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, phải bắt đầu từ việc đi tìm những nguyên nhân xuất hiện sự vật hiện tượng.

-Cần phải phân loại các nguyên nhân để có biện pháp giải quyết đúng đắn.

-Phải tận dụng các kết quả đã đạt được để tạo điều kiện thúc đẩy nguyên nhân phát huy tác dụng, nhằm mục tính đã đề ra.

Ví dụ: hiện tượng hàng loạt công nhân bị ngộ độc thực phẩm ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Vậy nguyên nhân do đâu mà dẫn đến hiện tượng hàng loạt công nhân bị ngộ độc thực phẩm ở các nhà máy, xí nghiệp lớn? Nguyên nhân ban đầu được các cơ quan điều tra xác định là do đồ ăn hoặc đồ uống mà công nhân ăn phải tại nhà máy, xí nghiệp – nơi mà họ làm việc. Qua nhiều vụ việc diễn ra có thể xác định được nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này là do đồ ăn, nước uống không hợp vệ sinh; bếp ăn không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thức ăn chưa được nấu chín kỹ, biến chất, có mùi ôi thiu, ươn và bốc mùi hoặc nhiễm vi sinh vật (vi khuẩn, ký sinh trùng), các loại rau sống, gỏi chưa được rửa sạch, nước uống thì bị nhiễm khuẩn hoặc bị ô nhiễm hóa học (kim loại nặng, độc tố vi nấm...) kết quả mọi người phải nhập viện hàng loạt vì ngộ độc.

Câu 9(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Quy Luật Từ Những Sự Thay Đổi Về Lượng Dẫn Đến Sự Thay Đổi Về Chất Và Ngược Lại? Ý Nghĩa Phương Pháp Luận Của Quy Luật?

*Vai trò của quy luật: chỉ ra cách thức, phương thức của sự vận động, phát triển các quy luật, hiện tượng.

*Các khái niệm:

-Chất: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định khách quan vốn có của sự vật hiện tượng là thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành nó, phân biệt nó với các khác.

-Lượng: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện, số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động và phát triển của sự vật.

-Thuộc tính: chỉ những đặc điểm, tính chất của sự vật.

-Độ: là phạm trù triết học dùng để chỉ khoảng giới hạn mà trong đó có sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản, bản chất của sự vật, hiện tượng.

-Điểm nút: là thời điểm mà tại đó diễn ra sự thay đổi về chất.

-Bước nhảy: là sự chuyển hóa trong quá trình của sự vật, hiện tượng chất cũ mất đi và chất mới ra đời.

*Nội dung quy luật:

a, Lượng biến đổi dần dần dẫn đến sự thay đổi về chất: lượng thay đổi dần dần – vượt qua giới hạn quá độ - tại điểm nút dẫn đến làm cho chất cũ mất đi, chất mới ra đời, chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới – Lượng mới tích lũy vượt mức giới hạn độ đến tại điểm nút đến chất

mới... quá trình này diễn ra liên tục, tạo thành phương thức cơ bản, phổ biến của các quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

b, Khi chất mới ra đời lại có sự tác động trở lại lượng của sự vật: chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới biểu hiện trên phương diện làm thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu vận động và phát triển của sự vật, làm thay đổi giới hạn độ, điểm nút, tạo ra những biến đổi mới về lượng của sự vật.

*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải coi trọng cả 2 phương diện chất và lượng của sự vật.

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải chống 2 khuynh hướng tả khuynh và tư tưởng hữu khuynh.

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần vận dụng linh hoạt các hình thức bước nhảy.

Câu 10(6 điểm): Thực Tiễn Là Gì? Phân Tích Vai Trò Của Thực Tiễn Đối Với Quá Trình Nhận Thức?

*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội (ví dụ: dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,...)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị- xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. (ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

*Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:

a, Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:

-Đối tượng nhận thức là thế giới khách quan, nhưng nó không tự bộc lộ các thuộc tính, nó chỉ hoạt động khi con người tác động vào bằng hoạt động thực tiễn, tức là thực tiễn phải là điểm xuất phát, cơ sở trực tiếp hình thành nên quá trình nhận thức.

-Thế giới khách quan luôn vận động, để nhận thức kịp tiến trình vận động của nó, con người bắt buộc phải thông qua hoạt động thực tiễn.

b, Thực tiễn là mục đích của nhận thức:

Những tri thức con người đạt được trong quá trình nhận thức phải áp dụng vào hiện thực và cải tạo hiện thực, sự áp dụng đó thông qua thực tiễn. Đó là sự vật chất hóa những quy luật, tính tất yếu đã nhận thức được. Do đó, thực tiễn là mục đích chung của các ngành khoa học.

c, Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra những chân lý, tức là kiểm tra đúng sai của các tri thức mới:

Những tri thức mới, thông qua nhận thức con người có được, để kiểm tra tính đúng đắn của nó, phải dựa vào thực tiễn. Thực tiễn chính là thước đo giá trị những tri thức mới đó, đồng thời thực tiễn bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

Câu 11(6 điểm): Lenin Viết :’’Từ Trục Quan Sinh Động Đến Tư Duy Triều Tượng Và Từ Tư Duy Triều Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là Con Đường Biện Chứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức Thực Tại Khách Quan’’.Anh Chị Hãy Phân Tích Luận Điểm Trên Và Rút Ra Ý Nghĩa Của Nó?

*Các giai đoạn của nhận thức:

-Nhận thức cảm tính (nhận thức trực tiếp/ trực quan sinh động) bao gồm:

+Cảm giác: là hình ảnh 1 vài thuộc tính sơ khai, đơn lẻ của đối tượng nhận thức tác động vào giác quan của con người.+Tri giác: là hình ảnh tương đối toàn vẹn về sự vật, là tổng hợp cảm giác nhưng có hệ thống, đầy đủ, phong phú.

+Biểu tượng: là hình ảnh được con người tái tạo, lưu giữ khi đối tượng nhận thức không còn tác động trực tiếp vào giác quan của con người – là hình thức phản ánh cao nhất trong nhận thức cảm tính.

-Nhận thức lý tính (nhận thức gián tiếp/ tư duy triều tượng) bao gồm:

+ Khái niệm: là hình thức cơ bản của tư duy triều tượng, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật. Sự hình thành khái niệm là kết quả của sự khái quát, tổng hợp biện chứng các đặc điểm, thuộc tính của sự vật hay lớp sự vật. Vì vậy, các khái niệm vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan, vừa có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, vừa thường xuyên vận động và phát triển. Khái niệm có vai trò rất quan trọng trong nhận thức bởi vì, nó là cơ sở để hình thành các phán đoán và tư duy khoa học.

+ Phán đoán: là hình thức tư duy triều tượng, liên kết các khái niệm với nhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tính của đối tượng. Thí dụ: "Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng" là một phán đoán vì có sự liên kết khái niệm "dân tộc Việt Nam" với khái niệm "anh hùng". Theo trình độ phát triển của nhận thức, phán đoán được phân chia làm ba loại là phán đoán đơn nhất (ví dụ: đồng dẫn điện), phán đoán đặc thù (ví dụ: đồng là kim loại) và phán đoán phổ biến (ví dụ: mọi kim

loại đều dẫn điện). Ở đây phán đoán phổ biến là hình thức thể hiện sự phản ánh bao quát rộng lớn nhất về đối tượng.

Nếu chỉ dừng lại ở phán đoán thì nhận thức chỉ mới biết được mối liên hệ giữa cái đơn nhất với cái phổ biến, chưa biết được giữa cái đơn nhất trong phán đoán này với cái đơn nhất trong phán đoán kia và chưa biết được mối quan hệ giữa cái đặc thù với cái đơn nhất và cái phổ biến. Chẳng hạn qua các phán đoán thí dụ nêu trên ta chưa thể biết ngoài đặc tính dẫn điện giống nhau thì giữa đồng với các kim loại khác còn có các thuộc tính giống nhau nào khác nữa. Để khắc phục hạn chế đó, nhận thức lý tính phải vươn lên hình thức nhận thức suy luận.

+ Suy luận: là hình thức tư duy trừu tượng liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra một phán đoán có tính chất kết luận tìm ra tri thức mới. Thí dụ, nếu liên kết phán đoán "đồng dẫn điện" với phán đoán "đồng là kim loại" ta rút ra được tri thức mới "mọi kim loại đều dẫn điện". Tùy theo sự kết hợp phán đoán theo trật tự nào giữa phán đoán đơn nhất, đặc thù với phổ biến mà người ta có được hình thức suy luận quy nạp hay diễn dịch.

-Do đó Lenin Viết :''Từ Trực Quan Sinh Động Đến Tư Duy Trừu Tượng Và Từ Tư Duy Trừu Tượng Đến Thực Tiễn Đó Là Con Đường Biện Chứng Của Sự Nhận Thức Chân Lý, Nhận Thức Thực Tại Khách Quan''

*Ý nghĩa: tất cả các chi thức mới mà con người có được trong quá trình hoạt động thực tiễn đều phải được quay lại kiểm nghiệm thông qua hoạt động thực tiễn.

Câu 12(6 điểm): Phân Tích Nội Dung Quy Luật Về Sự Phù Hợp Của Quan Hệ Sản Xuất Với Trình Độ Phát Triển Của Lực Lượng Sản Xuất? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Quy Luật Này Như Thế Nào Trong Thời Kỳ Đổi Mới ?

*Các khái niệm:

-Phương thức sản xuất: dùng để chỉ những cách thức con người sử dụng để tiến hành quá trình sản xuất của xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, chi thức,... của người lao động)

2, các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,...)

-Quan hệ sản xuất: là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất

-Kết cấu của quan hệ sản xuất: gồm quan hệ sở hữu với tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất, quan hệ trong phân phối, kết quả của quá trình sản xuất đó.

*Nội dung quy luật:

-Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là 2 mặt cơ bản tất yếu của quá trình sản xuất, tồn tại trong tính thống nhất với nhau, quyết định lẫn

nhau, trong đó lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của quá trình sản xuất, còn quan hệ xã hội là “hình thức xã hội” của quá trình đó. Tương ứng với trình độ nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ đó trên cả 3 phương diện: sử hữu tư liệu sản xuất, tổ chức – quản lý quá trình sản xuất và phân phối kết quả của quá trình sản xuất.

-Mối quan hệ thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tuân theo tính tất yếu khách quan : trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định quan hệ sản xuất với tư cách là hình kinh tế- xã hội của quá trình sản xuất, luôn có khả năng tác động lại sự vận động, phát triển của lực lượng sản xuất, sự tác động này theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực.

-Do nhu cầu khách quan của sự phát triển xã hội, quan hệ sản xuất phát triển thành quan hệ sản xuất mới để phù hợp với lực lượng sản xuất mới, do đó tạo ra 1 phương thức sản xuất mới.

-Quá trình này liên tục diễn ra, lặp đi lặp lại, làm cho xã hội vận động, phát triển từ thấp đến cao.

Nâng cao trình độ người lao động bằng cách phát triển giáo dục đào tạo đặc biệt là đào tạo nghề. Nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục đào tạo nghề, nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.

*Đảng cộng sản việt nam đã vận dụng quy luật này như sau

-Hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để hoàn thiện quan hệ sản xuất.

-Tăng cường những bước cơ bản về cơ sở vật chất cho khoa học – công nghệ, tập trung xây dựng một số phòng thí nghiệm đạt trình độ tiên tiến trong khu vực trên các lĩnh vực công nghệ trọng điểm như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, hóa dầu....

- Về quản lý, trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chính sách đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy tính tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực

Câu 13(6 điểm): Phân Tích Độc Lập Tương Đối Của Ý Thức Xã Hội So Với Tồn Tại Xã Hội? Cho Ví Dụ Cụ Thể Trong Thực Tiễn?

Ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội do tồn tại xã hội xã hội quy định nhưng ý thức xã hội không phụ thuộc vào tồn tại xã hội 1 cách thụ động mà nó có tác động tích cực trở lại tồn tại xã hội khi đã ra đời ý thức xã hội có quy luật riêng của nó.

1. Ý thức xã hội: Thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội.

- Tính lạc hậu của ý thức xã hội biểu hiện rõ nét nhất trong tâm lý xã hội các hiện tượng ý thức xã hội có nguồn và nảy sinh từ xã hội củ vẫn tồn tại giai đẳng trong xã hội mới mặc dù xã hội đã mất đi thậm chí mất rất lâu.

- Không chỉ ở cấp độ tâm lý mà ngay cả cấp độ lý luận ý thức xã hội vẫn có thể tồn tại xã hội bị bỏ xa nếu lý luận đó không chuyển đổi kịp thời so với sự biến đổi của hiện thực.

Nguyên nhân:

- Ý thức xã hội lạc hậu là do sức mạnh của thói quen tập quán đã ăn sâu bám chắc vào đời sống tinh thần của nhân dân do đó khi tồn tại xã hội thay đổi các yếu tố này dễ dàng thay đổi theo.

- Tồn tại xã hội thường xuyên thay đổi với tốc độ nhanh trong khi đấy ý thức xã hội chậm thay đổi nên không phản ánh kịp thời và trở nên lạc hậu.

- Ý thức xã hội luôn gắn bó chặt chẽ với lợi ích giai cấp tập toản người trong xã hội vì vậy những tư tưởng cũ lạc hậu thường được các lực lượng này lưu giữ và truyền bá trong xã hội để níu kéo những lợi ích của họ.

Ý nghĩa:

- Những tư tưởng cũ lạc hậu không tự động mất đi mà phải thông qua cuộc đấu tranh cải tạo.

- Phải xây dựng lý luận khoa học trên cơ sở tổng kết thực tiễn đảm bảo phản ánh kịp thời những thay đổi của cuộc sống đồng thời tạo dựng cơ sở vật chất để hình thành ý thức xã hội mới.

2. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội.

a. Ý thức xã hội nếu phản ánh đúng quy luật vận động của tồn tại xã hội trong những điều kiện nhất định tư tưởng của con người đặc biệt là những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước tồn tại xã hội chỉ ra chính xác sự vận động của tương lai có tác dụng chỉ đạo hoạt động thực tiễn của con người.

b. Phản ánh vượt trước có cơ sở và phản ánh vượt trước không có cơ sở của ý thức xã hội.

- ý thức xã hội được coi là vượt trước tồn tại xã hội nếu nó phản ánh đúng mối quan hệ bản chất tất yếu của tồn tại xã hội nghĩa là ý thức xã hội phản ánh đúng quy luật khách quan của sự vận động phát triển của tồn tại xã hội.

- Tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước ý thức xã hội nhưng xét đến cùng nó bắt nguồn từ tồn tại xã hội nó dự báo trước thực tại khách quan của tự nhiên xã hội.

- Ngược lại nếu ý thức xã hội không phản ánh đúng quy luật khách quan của sự vận động phát triển tồn tại xã hội và bị chi phối bởi mong muốn chủ quan thì khi đó sự phản ánh vượt trước của ý thức xã hội là không có cơ sở rơi vào ảo tưởng tác động xấu đến tồn tại xã hội. Sở dĩ ý thức xã hội có khả năng vượt trước tồn tại xã hội là do ý thức xã hội có tính tồn tại độc lập tương đối so với tồn tại xã hội nó có khả năng phát huy tính sáng tạo trong phản ánh tồn tại xã hội chính vì vậy ý thức xã hội không chỉ phản ánh cái đã có mà vạch ra cái sẽ có trong tương lai.

Ý nghĩa: Muốn có ý thức xã hội mới – ý thức xã hội XHCN chúng ta phải phát huy cao tính năng động sáng tạo của nó và vai trò của con người trong nhận thức và cải tạo thế giới đồng thời khắc phục tính bảo thủ, thụ động ỷ lại trong cuộc sống.

3. Tính kế thừa của ý thức xã hội.

Do có sự kế thừa trong sự phát triển của nó nên không thể giải thích ý

thức xã hội đơn thuần từ tồn tại xã hội.

- Kế thừa là 1 trong những tính quy luật của sự phát triển một tư tưởng mới ra đời bao giờ cũng có sự chọn lọc tiếp thu những tinh hoa của quá khứ, quan hệ kế thừa làm cho sự phát triển trong lĩnh vực, ý thức xã hội diễn ra như một dòng chảy lịch sử tự nhiên nối tiếp liên tục của tư duy giữa các thế hệ.

- Do ý thức xã hội có tính kế thừa nên không thể giải thích 1 quan điểm tư tưởng nào đó nếu chỉ dựa vào quan hệ kinh tế xã hội hiện có mà chú ý đến

Ví dụ: ý thức về thức ăn tồn tại lâu hơn sự tồn tại vật chất của thức ăn, ý thức về giai cấp có sau khi các giai cấp đã hình thành, chính sách khoan hồng của nhà nước đối với tội phạm có sự kế thừa của chính sách từng có trong lịch sử nhà nước,...

Câu 14(6 điểm): Phân Tích Vai Trò Của Quần Chúng Nhân Trong Sự Phát Triển Lịch Sử Và Rút Ra Ý Nghĩa Của Nó? Đảng Cộng Sản Việt Nam Đã Vận Dụng Bài Học ‘’Lấy Dân Làm Gốc’’Như Thế Nào Tròn Thời Kỳ Đổi Mới?

*Khái niệm quần chúng nhân dân: là bộ phận có chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần , những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của 1 cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị xã hội của 1 thời đại nhất định. Các bộ phận cấu thành quần chúng nhân dân là mang tính lịch sử cụ thể, nhưng nhìn chung, quần chúng nhân dân bao gồm các bộ phận dân cư:

-Người lao động sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần.

-Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp áp bức, thống trị, đối kháng với quần chúng nhân dân.

-Những giai cấp, tầng lớp thúc đẩy tiến bộ xã hội.

*Vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử:

-Quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất cơ bản của với mọi xã hội, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của con người và xã hội.

-Quần chúng nhân dân là lực lượng trực tiếp hoặc gián tiếp sáng tạo ra các giá trị tinh thần cho xã hội và kiểm chứng các giá trị đó.

-Quần chúng nhân dân là lực lượng và động lực cơ bản của với mọi cuộc cách mạng và cải cách xã hội. Không có cuộc cách mạng hay cải cách

nào thành công nếu không xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân.

Do đó, xét từ kinh tế đến chính trị, từ hoạt động vật chất đến hoạt động tinh thần, quần chúng nhân dân luôn đóng góp vai trò quyết định trong lịch sử và có thể tạo ra lịch sử

*Ý nghĩa: trong tất cả với mọi hoạt động và điều tiết xã hội, với mọi chủ trương, đường lối, chính sách của nhà nước đều phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân.

Phần 4 điểm 9 câu hỏi:

Câu 1(4 điểm): Tại Sao Mọi Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Là Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

***Định Nghĩa Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học:**

-Ăng Ghen ‘‘Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Đặc Biệt Triết Học Hiện Đại Là Vấn Đề Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại ‘‘

-Hai Mặt Trong Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học:

+Mặt Thứ Nhất: Mọi Quan Hệ Giữa Vật Chất Và Ý Thức

+Mặt Thứ Hai: Con Người Có Khả Năng Nhận Thức Được Thế Giới Hay Không

***Tại Sao:**

-Đây Là Vấn Đề Rộng Nhất, Chung Nhất Đóng Vai Trò Là Nền Tảng, Định Hướng Để Giải Quyết Vấn Đề Khác.

-Các Trường Phái Triết Học Đều Trực Tiếp/Gián Tiếp Đi Vào Giải Thích Về Mọi Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Trước Khi Đi Vào Các Quyết Định Của Mình.

-Việc Quyết Định Mọi Quan Hệ Giữa Vật Chất Và Ý Thức Là Cơ Sở Xuất Phát Cho Các Quyết Định Triết Học Nảy Sinh.

-Việc Quyết Định Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học Là Tính Chất Khách Quan Khoa Học Để Phán Định Lập Trường Tư Tưởng Triết Học Của Các Nhà Triết Học Trong Lịch Sử.

Câu 2(4 điểm): Phân Tích Sự Đối Lập Giữa Phương Pháp Biện Chứng Và Phương Pháp Siêu Hình Và Đánh Giá ,Giá Trị Của Hai Phương Pháp Đó.

*So sánh 2 phương pháp :

Phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình có nhiều điểm khác biệt. Phương pháp luận biện chứng nhận thức được sự vật hiện tượng trong mối quan hệ quyết định, ràng buộc lẫn nhau, ở đó vừa thấy bộ phận, vừa thấy toàn thể, còn phương pháp luận siêu hình lại nhận thức các sự vật hiện tượng trong trạng thái cô lập, tách rời với các sự vật khác, chỉ thấy chỉnh thể cô lập mà không thấy toàn thể. Phương pháp luận siêu hình nhận thức các sự vật hiện tượng ở trạng thái tĩnh lại, không vận động, không phát sinh, không phát triển, nếu có biến đổi chỉ là sự biến đổi về lượng.

Ngược lại, phương pháp luận biện chứng nhận thức các sự vật hiện tượng luôn vận động biến đổi, nằm trong khuynh hướng chung là phát triển, đó là quá trình biến đổi về chất của sự vật. Nguyên nhân của sự biến đổi đối với phương pháp luận siêu hình là nằm ngoài sự vật hiện tượng, trong khi với phương pháp luận biện chứng, nguồn gốc của sự phát triển nằm trong bản thân các sự vật hiện tượng. Đó là quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập nhằm giải quyết các mâu thuẫn nội tại của chúng.

*Vai trò:

-Phương pháp luận siêu hình có tác dụng trong 1 phạm vi nhất định nào đó và thường được 1 số môn khoa học tự nhiên sử dụng.

-Phương pháp luận biện chứng là công cụ hữu hiệu để giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới.

Câu 3(4 điểm): Có Thể Đồng Nhất Quan Hệ Nhân Quả Với Quan Hệ Hàm Số Được Không? Tại Sao?

*Định Nghĩa Nguyên Nhân, Kết Quả:

-Nguyên Nhân: Là Phạm Trù Chỉ Sự Tác Động Lẫn Nhau Giữa Các Mặt Trong Một Sự Vật Với Nhau Gây Ra Một Biến Đổi Nhất Định Nào Đó.

-Kết Quả: Là Những Biến Đổi Xuất Hiện Do Tác Động Lẫn Nhau Giữa Các Mặt Trong Một Sự Vật Hoặc Giữa Các Sự Vật Với Nhau Gây Ra.

*Không Thể Đồng Nhất Quan Hệ Hàm Số Và Quan Hệ Nhân Quả Được Vì:

-Trong Quan Hệ Hàm Số $y=f(x)$ Với Mỗi Giá Trị Của x Cho Ta Một Giá Trị y Tương Ứng (Chỉ Một Giá Trị y)

-Trong Quan Hệ Nhân Quả Diễn Ra Phức Tạp. Một Nguyên Nhân Sinh Ra Nhiều Kết Quả, Nhiều Nguyên Nhân Sinh Ra Một Kết Quả. Hơn Nữa Quan Hệ Nhân Quả Mang Tính Khách Quan Còn Quan Hệ Hàm Số Không Có Tính Khách Quan

Câu 4(4 điểm): Theo Triết Học Mac-Lenin Vận Động Và Đứng Im Có Đối Lập Tuyệt Đối Không? Tại Sao?

*Vận động: là với mọi sự biến đổi nói chung, tức là với mọi sự biến đổi từ đơn giản đến phức tạp diễn ra trong thế giới

*5 hình thức của vận động:

+Vận động cơ học: sự di chuyển của các vật thể trong không gian

+Vận động vật lý: sự vận động của các phần tử, các hạt cơ bản, các quá trình nhiệt điện,...

+Vận động hóa học: sự biến đổi của các chất vô cơ, hữu cơ trong quá trình hóa học và phân giải

+Vận động sinh vật: sự trao đổi chất của cơ thể sống với môi trường

+Vận động xã hội: sự thay thế giữa các hình thái kinh tế - xã hội

*Đứng im là 1 trạng thái vận động đặc biệt, tương đối ổn định của các sự vật. Đứng im chỉ xảy ra trong 1 quan hệ xác định, với một hình thức vận động xác định. Đứng im là tương đối tạm thời, còn vận động là tuyệt đối.

Do đó, giữa vận động và đứng im không có sự đối lập tuyệt đối.

Câu 5(4 điểm): Tại Sao Nói Sản Xuất Vật Chất Là Cơ Sở Của Sự Tồn Tại Và Phát Triển Của Xã Hội?

*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội (ví dụ: dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,...)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị- xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. (ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

*Trong các hình thức hoạt động trên, hoạt động sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất, bởi vì:

-Sản xuất vật chất là nhu cầu khách quan của sự tồn tại và phát triển của xã hội

- Sản xuất vật chất là cơ sở, nền tảng để con người sáng tạo ra các mặt của đời sống xã hội, sáng tạo ra các giá trị văn hóa, tinh thần cho xã hội
- Sản xuất vật chất quyết định sự phát triển của xã hội từ thấp đến cao quyết định sự tiến bộ của xã hội

Câu 6(4 điểm): Trong Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất , Yếu Tố Nào Giữ Vai Trò Quyết Định Nhất? Tại Sao?

***Khái niệm:**

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, chi thức,... của người lao động)

2, các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,...)

*Trong các yếu tố trên, người lao động giữ vai trò quyết định nhất bởi vì người lao động trực tiếp sáng tạo ra công cụ lao động, mà công cụ lao động biểu hiện rõ nét nhất chính là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, trình độ chinh phục của con người.

Câu 7(4 điểm): Kết Cấu Của Lực Lượng Sản Xuất, Yếu Tố Nào Đóng Nhất , Cách Mạng Nhất?

***Khái niệm:**

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, chí thức,... của người lao động)

2, các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,...)

***Trong các yếu tố trên, công cụ lao động là yếu tố đông nhất, cách mạng nhất, bởi vì:**

-Do khoa học ngày càng phát triển nên con người luôn ứng dụng khoa học để sáng tạo ra các công cụ lao động mới

-Do nhu cầu của xã hội , con người ngày càng cao nên con người luôn ý thức để sáng tạo ra các công cụ để đáp ứng nhu cầu đó

-Do kinh nghiệm, kỹ năng của con người ngày càng cao, hoàn thiện nên con người luôn cải tiến công cụ lao động, để quá trình sản xuất đạt hiệu quả hơn, năng suất lao động cao hơn

Câu 8(4 điểm): Sao Ngày Nay , Khoa Học Là Yếu Tố Trực Tiếp Của Xã Hội ? Ví Dụ ?

***Khái niệm:**

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

1, trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, chi thức,... của người lao động)

2, các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,...)

*Ngày nay, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội bởi vì khoa học phát triển hoạt động trực tiếp tới các yếu tố trong lực lượng sản xuất:

-Trước hết, nhờ khoa học phát triển, con người nhận thức sâu sắc hơn về thế giới, và trên cơ sở đó, con người sáng tạo ra được nhiều công cụ, lao động mới để thay thế con người trong quá trình sản xuất (ví dụ: sáng tạo ra rô bốt, AI,...)

-Nhờ có khoa học, con người mới có khả năng sáng tạo ra nhiều vật liệu mới (ví dụ: vật liệu nano,...)

-Trên cơ sở đó người ta tạo ra được nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội

Câu 9(4 điểm): Tại Sao Ý Thức Của Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn So Với Tồn Tại Của Xã Hội? Ví Dụ?

*Khái Niệm Tồn Tại Xã Hội : Là Phương Diện Sinh Hoạt Vật Chất Và Những Điều Kiện Sinh Hoạt Vật Chất Trong Xã Hội.

*Kết Cấu : Tồn Tại Xã Hội Bao Gồm Phương Thức Sản Xuất, Điều Kiện Địa Lý Và Dân Số.

*Khái Niệm Thức Xã Hội: Là Phương Diện Sinh Hoạt Tinh Thần Của Xã Hội (Bao Gồm Quan Điểm, Tư Tưởng, Tình cảm,...), Nảy Sinh Trong Xã Hội Và Phản Ánh Tồn Tại Xã Hội Trong Giai Đoạn Phát Triển Nhất Định.

*Ý Thức Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn Tồn Tại Xã Hội Vì:

-Ý Thức Xã Hội Là Cái Phản ánh Tồn Tại Xã Hội Nên Nó Có Sau Tồn Tại Xã Hội.

-Do Sức Mạnh Của Phong Tục, Tập Quán, Truyền Thống Cũng Như do Tính Bảo Thủ Của Một Số Hình Thái Ý Thức Xã Hội, Mặt Khác Tồn Tại Xã Hội Có Tính Biến Đổi Nhanh, Ý Thức Xã Hội Không Phản Ánh Kịp Thời.

-Ý Thức Xã Hội Luôn Gắn Với Lợi Ích Của Những Giai Cấp Nhất Định.

→ Vì Vậy Những Tư Tưởng Lạc Hậu Thường Được Các Lực Lượng Xã Hội

Lưu Trữ Và Truyền Bá Nhằm Chống Lại Những Lực Lượng Xã Hội Tiến Bộ.

*Ví Dụ: Một Số Vùng Quê Ở Việt Nam Tuy Điều Kiện Kinh Tế Phát Triển Nhưng Vẫn Còn Phong Tục, Tập Quán Lạc Hậu Như : Ma Chay, Tảo Hôn,...